

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
Ông Shen Shang Tao	Thành viên
Ông Shen Shang Hung	Thành viên
Ông Chen Ping Sen	Thành viên
Ông Shen San Yi	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Chen Ping Sen	Tổng Giám đốc
Ông Chiu Chin Teng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Chen Ping Sen

Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2007



Số 60 /NACOHCM-KT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 cùng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Tại ngày 31/12/2006, Trụ sở chính đã đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá 16.051 của ngân hàng ngoại thương Việt Nam (VCB). Theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Nếu Công ty ghi nhận theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng 16.101 thì kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và lợi nhuận chưa phân phối giảm đi cùng một khoản là 2.329.887 nghìn Đồng Việt Nam.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của việc không ghi nhận các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá như trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Võ Thái Hòa

Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Thành viên Deloitte Touche Tohmatsu

Ngày 27 tháng 3 năm 2007

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Hà Quốc Khánh

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0041/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

TƯ VẤN VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VNĐ' 000

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2006	31/12/2005
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		908.266.107	572.776.098
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	39.276.246	106.677.783
1. Tiền	111		39.276.246	106.677.783
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		273.088.416	204.526.364
1. Phải thu khách hàng	131		257.219.696	196.719.478
2. Trả trước cho người bán	132		3.066.390	8.085.166
3. Các khoản phải thu khác	138		14.574.244	488.088
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.771.914)	(766.368)
III. Hàng tồn kho	140	6	586.486.947	242.893.251
1. Hàng tồn kho	141		606.846.691	242.893.251
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(20.359.744)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.414.498	18.678.700
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.345.116	373.439
2. Các khoản thuế phải thu	152	7	5.068.382	10.351.777
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.000	7.953.484
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		252.426.038	214.589.270
I. Tài sản cố định	220		242.853.539	205.288.241
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	228.521.488	202.549.109
- Nguyên giá	222		358.435.546	305.618.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(129.914.058)	(103.069.432)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	14.332.051	2.739.132
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		42.400	42.400
1. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		42.400	42.400
III. Đầu tư dài hạn khác	260		9.530.099	9.258.629
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	8.712.102	9.258.629
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	817.997	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.160.692.145	787.365.368

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ' 000

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2006	31/12/2005
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		848.227.522	532.015.392
I. Nợ ngắn hạn	310		796.319.343	490.497.505
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	650.448.667	311.070.214
2. Phải trả người bán	312		134.334.161	78.695.350
3. Người mua trả tiền trước	313		1.499.512	2.097.138
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.602.019	12.304.858
5. Phải trả công nhân viên	315		4.602.223	982.446
6. Chi phí phải trả	316		899.359	1.288.797
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		933.402	84.058.702
II. Nợ dài hạn	320		51.908.179	41.517.887
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	50.159.085	40.407.865
2. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		1.749.094	1.110.022
B. NGUỒN VỐN	400		312.464.623	255.349.976
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	15	312.464.623	253.791.901
1. Vốn điều lệ	411		241.584.081	182.676.271
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(202.040)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.007.515	6.110.099
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.003.757	3.055.050
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		56.071.310	61.950.481
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	1.558.075
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	1.558.075
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.160.692.145	787.365.368

Chen Ping Sen

Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2007

Cheng Yu Mei

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ' 000

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2006	2005
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.288.383.461	775.500.394
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		924.704	259.779
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.287.458.757	775.240.615
4. Giá vốn hàng bán	11		1.190.508.631	695.477.903
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.950.126	79.762.712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	2.049.469	1.060.454
7. Chi phí tài chính	22	18	34.986.958	15.133.468
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		28.150.676	11.943.506
8. Chi phí bán hàng	24		18.854.325	13.189.475
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.003.323	17.402.897
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.154.989	35.097.326
11. Thu nhập khác	31		9.592.896	7.802.674
12. Chi phí khác	32		325.675	151.541
13. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác	40	19	9.267.221	7.651.133
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế	50		33.422.210	42.748.459
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	20	1.770.284	3.774.304
16. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52	20	817.997	-
17. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế	60		32.469.923	38.974.155
18. Lãi trên cổ phiếu	70		1,55	3,89

Chen Ping Sen**Tổng Giám đốc**

Ngày 26 tháng 3 năm 2007

Cheng Yu Mei**Kế toán trưởng**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ' 000

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2006	31/12/2005
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33.422.210	42.748.459
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	27.113.359	24.858.355
Các khoản dự phòng		21.365.290	-
Lỗ do thanh lý TSCĐ	03	5.146	3.172
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	(151.420)	786.679
Thu nhập lãi vay	05	(985.387)	(666.578)
Chi phí lãi vay	06	28.150.676	11.943.506
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá của Chi nhánh Hải Dương		-	75.191
Khấu hao tiền đền bù đất		-	641.861
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	108.919.874	80.390.645
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(60.803.491)	(105.339.234)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(363.953.440)	(85.430.635)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(11.051.677)	23.611.177
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	4.527.334	(5.701.315)
Tiền lãi vay đã trả	13	(26.919.741)	(11.943.506)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.764.107)	(18.317.432)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.263.074	64.239.969
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(352.782.174)	(58.490.331)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(64.835.365)	(29.183.180)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	151.562	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(42.400)
4. Thu nhập lãi tiền gửi	27	985.387	666.578
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(63.698.416)	(28.559.002)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu	32	(202.040)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.363.849.439	670.784.151
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.014.568.346)	(508.283.432)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	349.079.053	162.500.719
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(67.401.537)	75.451.386
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	106.677.783	31.226.397
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	39.276.246	106.677.783

Chen Ping Sen

Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2007

Cheng Yu Mei

Kế toán trưởng

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 10 năm 2005. Trước đây Công ty là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài được thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 414/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 9 năm 1992.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập một Chi nhánh hoạt động từ tháng 1 năm 2005, tại xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư Điều chỉnh số 414/GPDC1-BKH-KCN-DN do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 5 năm 2003.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 là 609 người (năm 2005: 577 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, dây cáp điện, động cơ điện và các sản phẩm máy bơm nước tại thị trường Việt Nam và nước ngoài.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng nghìn Đồng Việt Nam (VNĐ'000), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN MỚI

Trong năm nay, Công ty lần đầu tiên áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS"), cụ thể như sau:

VAS 11	Hợp nhất kinh doanh
VAS 18	Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng

Việc áp dụng các Chuẩn mực Kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	7 - 35
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	5 - 8
Các tài sản khác	2 - 7

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền đền bù và cải tạo đất, chi phí thành lập và các chi phí dài hạn khác.

Tiền đền bù và cải tạo đất là chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng Chi nhánh Công ty tại Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam. Chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong giai đoạn thành lập Chi nhánh Công ty tại Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam trước khi Công ty nhận được Giấy phép Đầu tư. Các chi phí này được xem là có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 3 năm kể từ ngày Chi nhánh đi vào hoạt động.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí thể hội viên sân golf được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 37 đến 43 năm.

Các chi phí dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và chi phí khai trương của Chi nhánh Công ty tại Hải Dương được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm, phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2006 <u>VNĐ'000</u>	31/12/2005 <u>VNĐ'000</u>
Tiền mặt	2.424.384	2.760.389
Tiền gửi ngân hàng	36.851.862	100.648.017
Tiền đang chuyển	-	3.269.377
Tổng cộng	<u>39.276.246</u>	<u>106.677.783</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2006 <u>VNĐ'000</u>	31/12/2005 <u>VNĐ'000</u>
Hàng mua đang đi trên đường	93.438.733	56.166.296
Nguyên liệu, vật liệu	162.476.927	43.585.917
Công cụ, dụng cụ	208.038	208.038
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	149.318.151	32.820.105
Thành phẩm	201.404.842	110.112.895
Tổng	<u>606.846.691</u>	<u>242.893.251</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(20.359.744)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>586.486.947</u>	<u>242.893.251</u>

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là VNĐ'000 20.359.744 (2005: VNĐ'000 0)

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN THUẾ PHẢI THU

	31/12/2006	31/12/2005
	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	5.068.382	2.767.540
Phải nộp Nhà nước	-	7.584.237
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.563.916
+ Thuế xuất nhập khẩu	-	20.321
Tổng cộng	<u>5.068.382</u>	<u>10.351.777</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc <u>VND'000</u>	Máy móc, thiết bị <u>VND'000</u>	Phương tiện vận tải <u>VND'000</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND'000</u>	Các tài sản khác <u>VND'000</u>	Tổng <u>VND'000</u>
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2006	107.120.419	184.114.197	8.153.751	1.690.280	4.539.894	305.618.541
Tăng trong năm	34.135.442	18.157.410	431.297	94.211	588.086	53.406.446
Thanh lý			(417.888)			(417.888)
Giảm khác		(171.553)				(171.553)
Tại ngày 31/12/2006	<u>141.255.861</u>	<u>202.100.054</u>	<u>8.167.160</u>	<u>1.784.491</u>	<u>5.127.980</u>	<u>358.435.546</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2006	21.979.129	75.163.565	3.263.715	1.294.593	1.368.430	103.069.432
Khấu hao trong năm	6.065.815	19.183.578	1.085.974	136.032	634.407	27.105.806
Giảm do thanh lý			(261.180)			(261.180)
Tại ngày 31/12/2006	<u>28.044.944</u>	<u>94.347.143</u>	<u>4.088.509</u>	<u>1.430.625</u>	<u>2.002.837</u>	<u>129.914.058</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2006	<u>113.210.917</u>	<u>107.752.911</u>	<u>4.078.651</u>	<u>353.866</u>	<u>3.125.143</u>	<u>228.521.488</u>
Tại ngày 31/12/2005	<u>85.141.290</u>	<u>108.950.632</u>	<u>4.890.036</u>	<u>395.687</u>	<u>3.171.464</u>	<u>202.549.109</u>

Như đã trình bày tại ghi chú số 14, Công ty đã thế chấp một phần nhà xưởng, máy móc và thiết bị để đảm bảo các khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Đồng Nai và Ngân hàng Australia and New Zealand - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 tương ứng gần 17.306.547 nghìn đồng, 24.941.661 nghìn đồng và 8.356.543 nghìn đồng.

Như đã trình bày tại các ghi chú số 12 và 14, Công ty đã thế chấp một phần máy móc, thiết bị để đảm bảo các khoản vay ngắn và dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh Hà Nội với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 tương đương gần 50.318.035 nghìn đồng.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 36.892.911 nghìn đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2005: 36.827.759 nghìn đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	2006 <u>VNĐ'000</u>	2005 <u>VNĐ'000</u>
Tại ngày 1 tháng 1	2.739.132	63.201.169
Tăng trong năm	54.829.659	17.676.567
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(42.867.324)	(77.155.311)
Kết chuyển sang các tài sản khác	(369.417)	(983.293)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>14.332.050</u>	<u>2.739.132</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2006 <u>VNĐ'000</u>	31/12/2005 <u>VNĐ'000</u>
Tại ngày 1 tháng 1	9.258.629	9.408.121
Tăng	3.229.862	3.608.826
Phân bổ vào chi phí trong năm	(3.776.389)	(3.758.318)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>8.712.102</u>	<u>9.258.629</u>

11. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	Khấu hao <u>VNĐ'000</u>	Khoản dự phòng <u>VNĐ'000</u>	Lỗ tính thuế <u>VNĐ'000</u>	Tổng cộng <u>VNĐ'000</u>
Tại ngày 1/1/ 2005	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/ 2005	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 1/1/2006	-	-	-	-
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(82.938)	(169.312)	(565.747)	(817.997)
Tại ngày 31/12/ 2006	<u>(82.938)</u>	<u>(169.312)</u>	<u>(565.747)</u>	<u>(817.997)</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là VNĐ'000 7.543.285 (2005: VNĐ'000 7.543.285) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền VNĐ'000 187,199 (năm 2005: 0) theo khoản lỗ trên. Các khoản lỗ sẽ được mang sang và hết hạn vào năm 2010

Cơ quan thuế đã quyết toán thuế của Công ty cho đến ngày 31/12/2004.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2006	31/12/2005
	<u>VNĐ' 000</u>	<u>VNĐ' 000</u>
Vay ngắn hạn	623.495.799	289.669.262
Vay dài hạn đến hạn trả (xem ghi chú số 14)	26.952.868	21.400.952
	<u>650.448.667</u>	<u>311.070.214</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Hạn mức <u>tín dụng</u>	Lãi suất <u>hàng năm</u>	31/12/2006		31/12/2005
			<u>USD</u>	<u>VNĐ'000</u>	<u>VNĐ'000</u>
Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh Tp. HCM	USD 6.000.000	SIBOR + 1,15%	5.379.603	86.348.012	85.371.577
Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh Hà Nội	USD 10.000.000	SIBOR + 1,15%	5.023.121	80.646.214	60.439.101
Ngân hàng Thương mại Chinatrust- Chi nhánh Tp. HCM	USD 6.000.000	SIBOR + 1,25%	5.999.680	96.300.864	63.660.000
Ngân hàng Thương mại Quốc Tế Trung Quốc - Chi nhánh Tp. HCM	USD 3.000.000	SIBOR 6 tháng + 1%	3.000.000	48.153.000	31.830.000
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Tp. HCM	USD 1.200.000	SIBOR 6 tháng + 1%	1.183.693	19.004.190	
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Tp. HCM	USD 2.000.000	SIBOR 6 tháng + 1,15%	1.986.014	31.877.515	15.002.819
Ngân hàng Australia and New Zealand - Chi nhánh Tp. HCM	USD 4.000.000	SIBOR + 0,95%	4.000.000	64.204.000	-
Ngân hàng Far East National - Chi nhánh Tp. HCM	USD 5.000.000	SIBOR 6 tháng +1%	4.992.062	80.127.590	33.365.765
Ngân hàng Thương mại Đệ Nhất - Chi nhánh Tp. HCM	USD 5.800.000	SIBOR + 1%	4.386.834	70.419.086	-
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	USD 3.000.000	6%	2.891.020	46.415.328	-
Total			<u>38.842.027</u>	<u>623.495.799</u>	<u>289.669.262</u>

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh Tp. HCM bao gồm hai khoản vay với hạn mức tín dụng đều là 3.000.000 đô la Mỹ. Khoản vay thứ nhất được bảo lãnh bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Khoản vay thứ hai cùng với khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh Hà Nội được bảo lãnh bởi ông Shen Shang Pang và được đảm bảo bởi một phần máy móc, thiết bị của Chi nhánh Công ty tại Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam. Giá trị còn lại của tài sản đảm bảo này tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 tương đương 50.318.035 nghìn đồng (xem ghi chú số 8).

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Chinatrust - Chi nhánh Tp. HCM, Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc - Chi nhánh Tp. HCM, Ngân hàng Australia and New Zealand - Chi nhánh Tp. HCM, Ngân hàng Far East National - Chi nhánh Tp. HCM và Ngân hàng Thương mại Đệ Nhất - Chi nhánh Tp. HCM được bảo lãnh bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.

Các khoản vay từ Ngân hàng Indovina Bank - Chi nhánh Hồ Chí Minh và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương không có đảm bảo.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2006	31/12/2005
	<u>VNĐ' 000</u>	<u>VNĐ' 000</u>
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	3,234,832	4.555.275
Thuế xuất nhập khẩu	299,188	102.376
Các loại thuế khác	67,999	7.647.207
Tổng	<u>3.602.019</u>	<u>12.304.858</u>

14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Hạn mức	Lãi suất	31/12/2006		31/12/2005
	<u>tín dụng</u>	<u>hàng năm</u>	<u>USD</u>	<u>VNĐ'000</u>	<u>VNĐ'000</u>
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh HCM	USD 1.500.000	SIBOR 6 tháng + 1,5%	-	-	2.281.447
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Đồng Nai	USD 2.000.000	SIBOR 6 tháng + 1,15%	1.287.330	20.662.935	-
Ngân hàng Thương mại Quốc Tế Trung Quốc - Chi nhánh Tp. HCM	USD 500.000	SIBOR 6 tháng + 0,55%	94.984	1.524.593	2.519.450
	USD 450.000	SIBOR 6 tháng + 1,25%	231.665	3.718.457	5.530.432
	USD 350.000	SIBOR 6 tháng + 1,00%	311.111	4.993.645	-
Ngân hàng Australia and New Zealand - Chi nhánh Tp. HCM	USD 1.000.000	SIBOR 3 tháng + 1,30%	591.573	9.495.335	-
Ngân hàng Thương mại Chinfon- Chi nhánh HCM	USD 4.600.000	SIBOR + 1,25%	2.286.950	36.716.988	51.477.488
			<u>4.803.613</u>	<u>77.111.953</u>	<u>61.808.817</u>
Trừ:					
Vay dài hạn đến hạn trả (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)				(26.952.868)	(21.400.952)
				<u>50.159.085</u>	<u>40.407.865</u>

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Khoản vay từ Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Đồng Nai được thanh toán làm 9 lần với thời hạn 6 tháng/lần kể từ ngày 08 tháng 05 năm 2007. Khoản vay này được đảm bảo bởi nhà xưởng mới hình thành của Trụ sở Công ty tại Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam. Giá trị còn lại của tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 tương đương 24.941.661 nghìn đồng (xem ghi chú số 8).

Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc - Chi nhánh Tp. HCM được trả dần làm 9 lần với thời hạn 6 tháng/lần lần lượt kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2004, ngày 25 tháng 11 năm 2005, ngày 16 tháng 09 năm 2006. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty và được đảm bảo bởi một phần nhà xưởng, máy móc và thiết bị của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 tương đương 17.306.547 nghìn đồng (xem ghi chú số 8).

Khoản vay từ Ngân hàng Australia and New Zealand - Chi nhánh T.p HCM được trả dần làm 8 lần với thời hạn 3 tháng/lần bắt đầu từ ngày 01 tháng 09 năm 2007. Khoản vay được đảm bảo bởi một phần máy móc, thiết bị của Trụ sở Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 tương đương 8.356.543 nghìn đồng (xem các ghi chú số 8).

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh T.p HCM được trả dần làm 9 lần với thời hạn 6 tháng/lần, bắt đầu từ tháng 12 năm 2004. Khoản vay này được đảm bảo bởi một phần máy móc, thiết bị của Chi nhánh Công ty tại Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 tương đương 50.318.035 nghìn đồng (xem các ghi chú số 8 và 12).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2006	31/12/2005
	<u>VNĐ'000</u>	<u>VNĐ'000</u>
Trong vòng một năm	26.952.868	21.400.952
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	50.159.085	40.407.865
Sau năm năm	-	-
	<u>77.111.953</u>	<u>61.808.817</u>
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)	<u>(26.952.868)</u>	<u>(21.400.952)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>50.159.085</u>	<u>40.407.865</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VNĐ'000	Cổ phiếu quỹ VNĐ'000	Các Quỹ VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Số dư tại ngày 1/1/2005	182.676.271	-	-	61.025.800	243.702.071
Trích lập quỹ	-	-	10.723.224	(10.723.224)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(27.401.441)	(27.401.441)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	38.974.155	38.974.155
Lỗi từ chênh lệch tỷ giá - Chi nhánh Hải Dương	-	-	-	75.191	75.191
Số dư tại ngày 31/12/2005	182.676.271	-	10.723.224	61.950.481	255.349.976
Số dư tại ngày 1/1/2006	182.676.271	-	10.723.224	61.950.481	255.349.976
Tăng vốn góp	58.907.810	-	-	-	58.907.810
Trích lập quỹ	-	-	5.846.123	(5.846.123)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(31.509.130)	(31.509.130)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	32.469.923	32.469.923
Thặng dư vốn cổ phần	-	(202.040)	-	-	(202.040)
Chi quỹ	-	-	(1.558.075)	(993.841)	(2.551.916)
Số dư tại ngày 31/12/2006	241.584.081	(202.040)	15.011.272	56.071.310	312.464.623

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2006 VNĐ'000	2005 VNĐ'000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	985.386	666.578
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.064.083	389.726
Thu nhập khác	-	4.150
	2.049.469	1.060.454

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2006 VNĐ'000	2005 VNĐ'000
Lãi tiền vay	28.150.676	11.943.506
Lỗi chênh lệch tỷ giá	6.836.282	3.189.962
	34.986.958	15.133.468

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	2006	2005
	<u>VNĐ'000</u>	<u>VNĐ'000</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	151.562	-
Thu nhập khác	9.441.334	7.802.674
	<u>9.592.896</u>	<u>7.802.674</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	5.146	3.172
Chi phí khác	320.529	148.369
	<u>325.675</u>	<u>151.541</u>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	<u>9.267.221</u>	<u>7.651.133</u>

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2006	2005
	<u>VNĐ'000</u>	<u>VNĐ'000</u>
Lợi nhuận trước thuế	33,327,281	42.748.459
Điều chỉnh:		
(Lời)/lỗ của Chi nhánh Hải Dương	(11,013,339)	7.543.285
Lợi nhuận chưa thực hiện của các nghiệp vụ nội bộ	-	(699,977)
Thu nhập chịu thuế (Trụ sở chính)	<u>22,313,942</u>	<u>49.591.768</u>
Thuế phải nộp (7.5%)	1,673,546	3,719,383
Trừ: thu nhập không chịu thuế	(32,048)	(980)
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	128,786	55,902
Thuế thu nhập phải nộp	<u>1,770,284</u>	<u>3,774,304</u>
Thuế thu nhập hoãn lại	<u>(817,997)</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>952,287</u>	<u>3,774,304</u>

Trụ sở chính của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế cho đến hết ngày 7 tháng 9 năm 2042 và áp dụng mức thuế suất hiện hành cho các năm sau đó. Trụ sở được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm từ năm 1997, là năm đầu tiên kinh doanh có lãi. Trụ sở chính của Công ty cũng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn từ năm 2004 đến 2006 theo Công văn số 9697/BTC-TCDN do Bộ Tài chính cấp ngày 2 tháng 8 năm 2005 và giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2008 do niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán theo hướng dẫn tại công văn 11924 ngày 20 tháng 10 năm 2004 của Bộ Tài Chính.

Chi nhánh Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và 25% cho những năm tiếp theo cho đến hết ngày 7 tháng 9 năm 2042 và áp dụng mức thuế suất hiện hành cho các năm sau đó. Chi nhánh Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi, và được miễn thuế 50% cho bốn năm kế tiếp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2006 <u>VNĐ'000</u>	2005 <u>VNĐ'000</u>
<u>Thu nhập</u>		
Thu nhập trong năm	32.469.923	42.044.814
<u>Số cổ phiếu</u>	<u>'000</u>	<u>'000</u>
Số cổ phiếu phổ thông trung bình	20.903	10.808

21. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀI NG

Năm 2005, khi chuyển đổi từ Công ty 100% vốn nước ngoài sang Công ty cổ phần niêm yết trên thị trường Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã tiến hành bán cổ phiếu ra công chúng và thu được khoản lợi nhuận là VNĐ'000 7.621.903 cho cả hai nhà đầu tư ban đầu là Taya Electric Wire and Cable Co., Ltd. và Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Năm 2006, Công ty đã kê khai và nộp thuế VNĐ'000 64.994 cho khoản lợi nhuận trên theo Công văn số 1433/TCT-PCCS ngày 19 tháng 3 năm 2006 ban hành bởi Tổng Cục Thuế. Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ thuế đã được chuyển cho các nhà đầu tư trên, Ban Giám Đốc Công ty tin tưởng rằng không còn các khoản thuế phải trả nào khác tồn tại liên quan đến việc chuyển lợi nhuận trên.

Bên cạnh đó, Công ty đã nộp cho Cục Thuế Đồng Nai số tiền VNĐ'000 16.823.023. Đây là các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2004, 2005 và 9 tháng đầu năm của năm 2006 mà công ty đã ghi nhận như là khoản miễn giảm thuế 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2006 theo Công văn số 9697/BTC-TCĐN ngày 2 tháng 8 năm 2005 ban hành bởi Bộ Tài Chính. Tại ngày 31/12/2006, Công ty hiện đang ghi nhận khoản này như một khoản phải thu trên Báo cáo tài chính, Ban Giám Đốc Công ty tin tưởng rằng họ có thể thu hồi lại các khoản này và không ghi nhận như một khoản chi phí trong năm.

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2006 <u>VNĐ'000</u>	31/12/2005 <u>VNĐ'000</u>
Trong vòng một năm	1.956.879	1.732.365
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.827.516	7.722.572
Sau năm năm	96.014.034	96.681.128
	<u>105.798.429</u>	<u>106.136.065</u>

Chi phí thuê hoạt động hằng năm bao gồm chi phí thuê đất cho Trụ sở chính Công ty tại Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam trong 50 năm kể từ ngày 7 tháng 9 năm 1992 với phí thuê tối thiểu hằng năm là 83.266 đô la Mỹ và phí hạ tầng hằng năm là 25.859 đô la Mỹ. Phí thuê đất sẽ tăng định kỳ 15% sau mỗi năm năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Ngoài ra, Công ty có nghĩa vụ trả phí thuê đất cho Chi nhánh tại Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam với mức phí hàng năm là 5.957 đô la Mỹ sau thời gian được miễn 7 năm kể từ khi Chi nhánh đi vào hoạt động cho đến ngày 7 tháng 9 năm 2042. Phí thuê đất sẽ tăng định kỳ tối đa 15% sau mỗi năm năm.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>2006</u>	<u>2005</u>
	<u>VNĐ'000</u>	<u>VNĐ'000</u>
Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.		
Doanh thu bán dây và cáp điện	46.919.837	-
Mua nguyên, vật liệu và phụ liệu	1.397.072.031	675.769.930
Mua tài sản cố định	1.770.464	2.010.563
Mua công cụ, dụng cụ	738.718	649.042
Phí bản quyền	1.299.338	396.058
	31/12/2006	31/12/2005
	<u>VNĐ'000</u>	<u>VNĐ'000</u>
Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.		
Các khoản phải thu	4.582.673	-
Các khoản phải trả	124.839.452	70.110.532
<i>Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc</i>		
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	Từ 1/1/2006	Từ 1/1/2005
	đến 31/12/2006	đến 31/12/2005
	<u>VNĐ'000</u>	<u>VNĐ'000</u>
Lương và thưởng	<u>1.332.379</u>	<u>939.897</u>

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.